TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIM THÀNH** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 31/01/2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hứa Thị Hương và bà Đỗ Thị Ái Thương

- Thư ký phiên toà: Ông Phạm Văn Bẩy - Thư ký Toà án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông **Vũ Văn Tiến** - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kim Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 290/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2022 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2023/QĐXX-ST ngày 12 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Phạm Thị T**, sinh năm 1992. Địa chỉ cư trú: thôn P, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh **Đồng Văn T**, sinh năm 1991. Địa chỉ cư trú: thôn H, xã L, huyện K, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị T trình bày: Chị và anh T kết hôn vào ngày 07/7/2011 trên cơ sở tự nguyện, được đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã L, huyện K, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận hạnh phúc được 7 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do

anh T chơi bời cờ bạc, lô đề, nợ lần và không quan tâm đến gia đình, vợ con. Chị nhắc nhở, khuyên nhủ anh T nhiều lần nhưng anh T không thay đổi mà còn đánh đập, chửi bới chị. Nhiều lần vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, anh T đánh đuổi chị nên chị phải về nhà bố mẹ đẻ ở. Cuối năm 2021, chị T làm đơn xin ly hôn anh T ra Toà án nhân dân huyện Kim Thành, sau đó được gia đình động viên và thương con nên chị đã rút đơn khởi kiện để về đoàn tụ với anh T, Toà án đã ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án vào tháng 1/2022. Tuy nhiên, sau khi về đoàn tụ, anh T không thay đổi vẫn chơi bời về đánh đập chị và đập phá đồ đạc. Vì vậy, chị đã về ở hẳn nhà bố mẹ đẻ và làm đơn xin ly hôn anh T. Nay chị T xác định thực sự tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không có hạnh phúc, chị T đề nghị Toà án giải quyết cho được ly hôn anh T để giải phóng cho đôi bên khỏi giàng buộc.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, Bị đơn anh Đồng Văn T trình bày: Anh và chị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện được đăng ký tại UBND xã Liên Hoà vào ngày 07/7/2011. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng làm nhà, kinh tế khó khăn phải đi vay mượn nhiều người. Để nghĩ cách trả nợ anh đã chơi lô đề và bị Công an bắt tạm giữ 1 ngày, lúc đó vì lo cho vợ con nên anh không gọi điện cho cho chị T, chị T đã cho rằng anh có quan hệ bồ bịch bên ngoài nên mới ngủ qua đêm. Anh đã giải thích cho chị T, song chị T không nghe mà làm đơn xin ly hôn anh. Trong quá trình giải quyết ly hôn, Toà án động viên nên chị T đã rút đơn về đoàn tụ. Anh xác định từ khi kết hôn đến thời điểm chị T làm đơn xin ly hôn anh, giữa anh và chị T nhiều lần xảy ra mâu thuẫn cãi cọ nhau, chị T đã bỏ về nhà bố mẹ khoảng 5 – 6 lần. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, chị T xin ly hôn, anh không nhất trí.

Về con chung: Chị T và anh T cùng xác định vợ chồng có 03 con chung là Đồng Đức V, sinh ngày 14/5/2012; Đồng Ngọc Anh T, sinh ngày 03/5/2015; Đồng Ngọc Gia H, sinh ngày 04/10/2020, cả 3 con chung hiện đang ở với anh T.

Nay quan điểm của chị T là do hiện nay chị không có chỗ ở ổn định, thu nhập mỗi tháng chỉ 6.000.000đồng, không đủ điều kiện để nuôi cả 3 con. Vì vậy, chị T xin trực tiếp nuôi dưỡng cháu nhỏ nhất là Đồng Ngọc Gia H, còn hai cháu Đồng Đức V và Đồng Ngọc Anh T chị đề nghị Toà án giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi cháu T cho anh T mỗi tháng 1.000.000đồng từ tháng 1/2023 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Quan điểm của anh T về con chung: Anh T xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đồng Đức V, đề nghị Toà án giao cháu Đồng Ngọc Gia H và Đồng Ngọc Anh T cho chị T nuôi dưỡng. Nếu chị T không nhất trí thì anh xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả 3 con chung và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung: Chị T và anh T đều không yêu cầu Toà án giải quyết.

Chị Phạm Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, giữ nguyên quan điểm xin ly hôn anh T, đề nghị được nuôi cháu Đồng Ngọc Gia H, không đề nghị Toà án giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Tại phiên toà: Anh Đồng Văn T xác định trong quá trình giải quyết vụ án do nghĩ còn tình cảm với chị T nên anh không nhất trí ly hôn. Nay anh xác định không còn tình cảm với chị T, anh nhất trí ly hôn và xin nuôi cháu Đồng Đức V, đề nghị Toà án giao cháu T và cháu H cho chị T nuôi dưỡng, không đề nghị Toà án giải quyết về tài sản chung, công nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng thủ tục tố tụng dân sự. Nguyên đơn, Bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Về việc giải quyết vụ án: Quan điểm VKS đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị T được ly hôn anh T; Về con chung: Đề nghị HĐXX giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Đồng Ngọc Gia H, Giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đồng Đức V và Đồng Ngọc Anh T. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T về việc cấp dưỡng cho anh T mỗi tháng 1.000.000đồng để nuôi cháu T kể từ tháng 01/2023 đến khi con chung đủ 18 tuổi; Về tài sản chung, nợ chung: không đặt ra việc giải quyết. Về án phí: chị T phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn, án phí dân sự về cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn anh Đồng Đức T hiện đang cư trú tại huyện Kim Thành nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương. Chị T là nguyên đơn có đơn đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị Phạm Thị T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị T và anh Đồng Văn T kết hôn với nhau trên tinh thần tự do tìm hiểu và tự nguyện đi đến hôn nhân, được đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị T và anh T chung sống hạnh phúc được vài năm thì phát sinh mâu thuẫn. Quá trình vợ chồng mâu thuẫn, chị T đã nhiều lần bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở. Năm 2021, chị T và anh T làm đơn đến Toà án giải quyết ly hôn, sau đó lại rút đơn về để đoàn tụ nhưng tình cảm không được cải thiện. Như vậy, đã xác định được quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị T xin được ly hôn anh Đồng Văn T là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị T xin được trực tiếp nuôi cháu Đồng Ngọc Gia H, anh T xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đồng Đức V. Còn cháu Đồng Ngọc Anh T, chị T đề nghị Toà án giao cho anh T nuôi dưỡng, anh T đề nghị Toà án giao cho chị T nuôi dưỡng. Vì vậy, Hội đồng xét xử sẽ căn cứ vào điều kiện thực tế của các bên để giao con chung cho các bên nuôi dưỡng. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã thu thập thì thấy: cháu Đồng Ngọc Gia H còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi nên cần sự nuôi dưỡng, chăm sóc trực tiếp của người mẹ. Còn đối với cháu Đồng Đức V và cháu Đồng Ngọc Anh T, mặc dù các cháu có nguyện vọng xin được ở với mẹ. Song căn cứ vào lời trình bày của anh T và hai cháu V, Thư thì thấy hiện tại anh T có nhà ở rộng rãi, cả hai cháu đều đang học tập ổn định tại xã Liên Hoà. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu V, cháu T và cháu H, Hội đồng xét xử giao cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Đồng Ngọc Gia H, sinh ngày 04/10/2020. Giao các cháu Đồng Đức V, sinh ngày 14/5/2012 và Đồng Ngọc Anh T, sinh ngày 03/5/2015 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc là phù hợp với điều kiện thực tế và phù hợp với các quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tại phiên toà, anh T không yêu cầu chị T cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, chị

T tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi cháu T cho anh T mỗi tháng là 1.000.000đồng kể từ tháng 1/2023 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Xét thấy,

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Phạm Thị T và anh Đồng Văn T không yêu cầu Toà án giải quyết, nên không đặt ra việc giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Phạm Thị T là nguyên đơn khởi kiện xin ly hôn và có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung nên chị T phải chịu tiền án phí ly hôn và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 39 Bộ luật dân sự, khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị T, cho ly hôn giữa chị Phạm Thị T và anh Đồng Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Đồng Ngọc Gia H, sinh ngày 04/10/2020 cho chị Phạm Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; Giao cháu Đồng Đức V, sinh ngày14/5/2012 và Đồng Ngọc Anh T, sinh ngày 03/5/2015 cho anh Đồng Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Chị T tự nguyện cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000đồng tiền nuôi cháu T cho anh T kể từ tháng 01/2023 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra việc giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn và 300.000đồng tiền án phí dân sự do có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành theo biên lai số AA/2020/0004907 ngày 08 tháng 11 năm 2022. Chị T còn phải thi hành 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. Quyền kháng cáo: Anh T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án. Chị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Kim Thành;
- Chi cục THA Dân sự huyện Kim Thành;
- UBND xã L, huyện K (nơi thực hiện việc đăng ký kết hôn);
- Lưu: Hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Ngọc Bích